

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 08/CÔNG TY LIÊN DOANH PHẠM – ASSET/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân : Công Ty Liên Doanh Phạm – Asset

Địa chỉ : Lô D4/1, Đường 1B, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B,
Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt nam.

Điện thoại : (84-028) 3 7653284 – 3 7653285 – 37653286 Fax: (84-028) 37 653258 -54283458

Email : jojo@pham-asset.com

Mã số doanh nghiệp : 0302771009

Số Giấy chứng nhận FSSC 22000: 38161412002, ngày cấp: 13/02/2025, nơi cấp: I ntertek Certification Limited.

Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm : **ĐẬU RÒN RÒN VỊ TẢO BIỂN**

2. Thành phần: Đậu phộng 40%, chất ổn định (1451, 1412, 451(i)), bột mì, dầu cọ, đường, xirô maltose, tinh bột sắn, bột gạo, tinh bột bắp, bột nếp, gia vị tảo biển 2%, chất tạo xốp (500(ii)), muối i-ốt, rong biển khô 0.1%, màu thực phẩm tổng hợp (101(ii), 110,133,164).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- 06 tháng kể từ ngày sản xuất đối với sản phẩm dạng gói.
- 09 tháng kể từ ngày sản xuất đối với sản phẩm dạng lon

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì :

- Đậu phộng được đóng gói trong màng PET/MPET/PE/LLD, OPP/PE hoặc lon giấy tráng kim loại. Các gói đậu được đóng gói trong túi PE, PP hoặc thùng giấy.
- Khối lượng tịnh mỗi gói/hộp/lon: 1g, 2g, 3g, 4g, 5g, 6g, 7g, 8g, 9g, 10g, 11g, 12g, 13g, 14g, 15g, 16g, 17g, 18g, 20g, 21g, 22g, 23g, 24g, 25g, 26g, 27g, 28g, 29g, 30g, 31g, 32g, 33g, 34g, 35g, 36g, 37g, 38g, 39g, 40g, 42g, 44g, 45g, 47g, 48g, 50g, 52g, 55g, 58g, 60g, 62g, 65g, 68g, 70g, 72g, 75g, 77g, 80g, 83g, 85g, 90g, 95g, 100g, 105g, 110g, 115g, 120g, 125g, 130g, 135g, 140g, 145g, 150g, 160g, 200g, 250g, 300g, 350g, 400g, 500g, 700g, 1kg và theo yêu cầu của khách hàng.
- Các túi đậu được đóng vào thùng carton 3 lớp hoặc đóng trong túi PE, PP.



- Nắp thùng và đáy thùng hoặc túi PE, PP có dán băng keo kín, đảm bảo trong quá trình vận chuyển, bảo quản không bong rách.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Tên tổ chức : Công Ty Liên Doanh Phạm – Asset

Địa chỉ : Lô D4/1, Đường 1B, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại : (84-028) 37653284–37653285–37653286 Fax: (84-028) 37653258-54283458

II. Mẫu nhãn sản phẩm : đính kèm nhãn sản phẩm.

III. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo :

- Quy Định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm theo tiêu chuẩn cơ sở của sản phẩm.
- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Thông tư 24/2019/TT-BYT Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 05 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

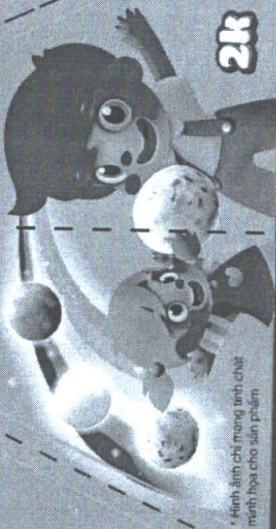
(Ký tên, chức vụ, đóng dấu).



Giám Đốc
Phạm Xuân Dũng



ĐƯỜNG RÒN RÒN
VỊ TÁO BIỂN



được cấp phép bởi Bộ Y tế
Chứng nhận đạt tiêu chuẩn vệ sinh

Thành phần dinh dưỡng		Trên gói	Trên gói
Hàng ngày/ Energy		479 kcal	24,0 g
Chất đạm/ Protein		9,07 g	5,06 g
Carbohydrat/ Carbohydrate		54,4 g	5,06 g
Đường tổng số/ Total sugar		17,9 g	5,06 g

Thành phần dinh dưỡng cho đồng 300ml nước uống

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (*)

Thành phần dinh dưỡng

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Jojo
Since 2002

Sản phẩm của Công ty Liên
Doanh Pham - Asset.
Lô D4/1, Đường số 18, KCN Vĩnh
Lôc, P. Bình Hưng Hoà B, Q. Bình Tân,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Tel: (028) 37653286 - 37653285 -
37653284
Fax: (84.28) 54283458 - 37653258
Email: jojo@pham-asset.com
Website: www.pham-asset.com



Xuất xứ: Việt Nam

Thành phần dinh dưỡng

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói

Trên gói



AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



Trang/ Page No: 1/4

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: OHA6250300825-1

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY LIÊN DOANH PHẠM-ASSET
Địa chỉ/ Client's Address : Lô D4/1, Đường 1B, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 14/03/2025
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 14/03/2025 - 19/03/2025
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 19/03/2025
Thông tin mẫu/ Name of Sample : ĐẬU RÒN RÒN VỊ TẢO BIẾN
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong túi nhựa kín
Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Năng lượng (Tính từ protein, béo, carbohydrate không bao gồm xơ) (*) / Calories (Calculated from protein, fat and carbohydrate not included fiber) (*)	478	kcal/100g	AVA-KN-PP.HL/10
2	Đạm (*) / Protein (*)	9.07	g/100g	AVA-KN-PP.HL/01
3	Carbohydrat (Không bao gồm xơ) (*) / Carbohydrate (Not included fiber) (*)	56.4	g/100g	Calculated from carbohydrate and total dietary fiber
4	Đường tổng (tính theo glucose) (*) / Total sugar (as glucose) (*)	17.9	g/100g	AVA-KN-PP.HL/03
5	Béo tổng (*) / Total fat (*)	24.0	g/100g	AVA-KN-PP.HL/02
6	Béo bão hòa (*) / Saturated Fat (*)	5.96	%	AVA-KN-PP.SK/050 (Ref. ISO 11085:2015 & AOAC 996.06)
7	Natri (Na) (*) / Sodium (Na) (*)	591	mg/100g	AVA-KN-PP.QP/063
8	Xơ tiêu hóa (*) / Total dietary fiber (*)	5.01	g/100g	TCVN 9050:2012
9	Độ ẩm (*) / Moisture (*)	2.67	%	AVA-KN-PP.HL/05
10	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*)	<10	CFU/g	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)
11	Coliforms (*) / Coliforms (*)	<10	CFU/g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)
12	Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	0	MPN/g	TCVN 7924-3:2017 (ISO 16649-3:2015)





AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



Trang/ Page No: 2/4

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: OHA6250300825-1

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
13	Clostridium perfringens (*) / Clostridium perfringens (*)	<10	CFU/g	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)
14	Bacillus cereus (*) / Bacillus cereus (*)	<10	CFU/g	AOAC 980.31
15	Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)	<10	CFU/g	AOAC 975.55
16	Tổng số nấm men nấm mốc (*) / Yeasts and Molds (*)	<10	CFU/g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)
17	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.003)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
18	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.003)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
19	Aflatoxin tổng số (B1. B2. G1. G2) (*) / Sum of Aflatoxin (B1. B2. G1. G2) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/091 (Ref. TCVN 6953:2001, TCVN 7596:2007 (ISO 16050:2003))
20	Aflatoxin B1 (*) / Aflatoxin B1 (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/091 (Ref. TCVN 6953:2001, TCVN 7596:2007 (ISO 16050:2003))
21	Deoxynivalenol (Vomitoxin) (*) / Deoxynivalenol (Vomitoxin) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 7)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/093 (Ref. EN 17194:2019)
22	Ochratoxin A (*) / Ochratoxin A (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.3)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/092 (Ref. EN 17194:2019)





AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



Trang/ Page No: 3/4

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: OHA6250300825-1

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
23	Zearalenone (*) / Zearalenone (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 7)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/094 (Ref. TCVN 10640: 2014, EN 15850:2010)
24	Fumonisin tổng số (FB1, FB2) (*) / Sum of Fumonisin (FB1, FB2) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 1.5)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/095 (Ref. TCVN 8162:2009, EN 1385:2001)

Chú thích/ Remarks:

1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ (**): Items are tested by subcontractor.
3. (**), (*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (**), (*): Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
4. (CN): Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi/ (CN): Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
5. (TS): Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản/ (TS): Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
6. LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Limited of detection.
7. LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of Quantitation.
8. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
9. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
10. Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
11. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:
 - Theo phương pháp đổ đĩa: Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện/ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp lọc: Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện/ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN): Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)/ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).
12. Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:
 - Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"/ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".

[Signature]

Trụ sở HCM: 66/122 Bình Thành, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
CN Hà Nội: Số C7/D6 Ngõ 56 Trương Công Giai, Phường Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội
CN Cần Thơ: Số 35A1, KDC 3A, Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

AVA-QA-TTCL/7.8/F.01 LBH: 02





AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



Trang/ Page No: 4/4

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: OHA6250300825-1

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)			
Thành phần dinh dưỡng <i>Nutritional ingredients</i>	Khẩu phần 100 g <i>Serving size 100 g</i>		% Giá trị dinh dưỡng tham chiếu <i>% Nutrient reference values</i>
Năng lượng (Energy)	478	kcal	24%
Chất đạm (Protein)	9.07	g	18%
Carbohydrat không bao gồm xơ (Carbohydrate not included fiber)	56.4	g	17%
Đường tổng số (Total Sugars)	17.9	g	-
Béo tổng (Total Fat)	24.0	g	43%
Chất béo bão hòa (Saturated fat)	5.96	g	30%
Natri (Sodium)	591	mg	30%
% Giá trị dinh dưỡng tham chiếu là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 kcal). Giá trị dinh dưỡng tham chiếu: Năng lượng: 2000 kcal; Chất đạm: 50 g; Carbohydrat không bao gồm xơ: 325 g; Đường tổng số chưa khuyến nghị; Chất béo: 56 g trong đó chất béo bão hòa: 20 g; Natri: 2000 mg % Nutrient reference values determine that how much a nutrient in serving of food contributes to a daily (2000 kcal diet). Nutrient reference values: Energy: 2000 kcal; Protein: 50 g; Carbohydrate not included fiber: 325 g; Total Sugars have not been recommended; Total Fat: 56 g including saturated Fat: 20 g; Sodium: 2000 mg			

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

BÙI TÂN BÌNH

PHÓ GIÁM ĐỐC
DEPUTY DIRECTOR

